TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **10**/2023/QĐST-HNGĐ	*ngày 18 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị T,** sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện P, tỉnh T.

- *Bị đơn:* **Anh Trần Văn T,** sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện P, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trần Văn T giao con Trần Bảo K, sinh ngày 16/8/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Thé mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Văn T chưa thi hành án số tiền cấp dưỡng nuôi con như thỏa thuận ở trên, thì anh T phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2021/000174 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Thanh Vân